TRƯỜNG TIỂU HỌC ..... *Thứ ..... ngày ..... tháng ..... năm 20.....*

Họ và tên: .....

Lớp: 2 .....

PHIẾU ÔN TẬP HỌC KÌ I
MÔN TOÁN – KHỐI 2
PHIẾU SỐ 16

Thời gian làm bài: 30 phút

PHẦN 1. TRẮC NGHIỆM *(Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng)*

Câu 1. Số liền sau của số liền trước số 33 là:

A. 33 **B.** 32 **C.** 31 **D.** 34

Câu 2. Số lớn nhất có hai chữ số khác nhau lập từ ba chữ số 4, 2, 9 là:

A. 99 **B.** 94 **C.** 24 **D.** 92

Câu 3. Phúc gấp được 41 ngôi sao, như vậy Phúc gấp nhiều hơn Mai 8 ngôi sao. Mai gấp được số ngôi sao là:

A. 35 **B.** 39 **C.** 49 **D.** 33

Câu 4. Dấu thích hợp điền vào chỗ chấm: 62 − 20 + 38 ……. 35 + 31 + 19

A. > **B.** < **C.** =

Câu 5. Thứ Sáu tuần này là ngày 1 tháng 12. Thứ Sáu tuần sau là ngày:

A. ngày 7 **B.** ngày 8 **C.** ngày 9 **D.** ngày 2

Câu 6. Độ dài đường gấp khúc ABCD là:

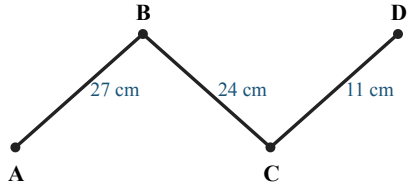

A. 62 cm **B.** 51 cm **C.** 72 cm **D.** 52 cm

PHẦN 2. TỰ LUẬN *(Học sinh trình bày lời giải)*

Bài 1. Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

a) Số gồm 7 chục và 8 đơn vị là: …….

b) Số tròn chục liền sau số 65 là: …….

c) Số lớn nhất có hai chữ số mà tổng hai chữ số bằng 8 là: …….

Bài 2. Đúng ghi Đ, sai ghi S:

a) 6 dm = 60 cm	
b) Trong phép trừ 80 − 13 = 67, số 13 là hiệu	
c) Tháng 12 có 31 ngày	
d) Một ngày có 12 giờ	

Bài 3. Đặt tính rồi tính (viết kết quả vào chỗ chấm):

a) 76 − 8 = ……

b) 46 + 9 = ……

c) 39 + 33 = ……

d) 100 − 24 = ……

Bài 4. Quan sát hai đồng hồ rồi viết vào chỗ chấm:





a) Đồng hồ thứ nhất chỉ …… giờ …… phút

b) Đồng hồ thứ hai chỉ …… giờ …… phút

Bài 5. Quan sát hình vẽ rồi viết số thích hợp vào chỗ chấm:

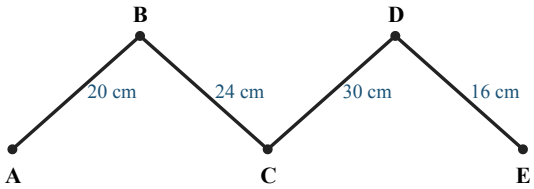

a) Độ dài đường gấp khúc ABCDE là: …… cm

b) Đổi ra đề-xi-mét: …… dm

Bài 6. Vy hái được 35 bông hoa, Linh hái được 26 bông hoa. Hỏi hai bạn hái được tất cả bao nhiêu bông hoa? Ai hái được nhiều hơn và nhiều hơn bao nhiêu bông?

a) Hai bạn hái được: …… bông hoa

b) Bạn hái nhiều hơn là Vy, nhiều hơn: …… bông hoa

HẾT

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

Phiếu ôn tập học kì I Toán lớp 2 · Phiếu số 16

Phần 1. Trắc nghiệm

Câu	1	2	3	4	5	6
Đáp án	A	B	D	B	B	A

Phần 2. Tự luận

Bài 1.

a) 78

b) 70

c) 80 (8 + 0 = 8)

Bài 2.

a) Đ; b) S; c) Đ; d) S

Bài 3.

a) 76 − 8 = 68

b) 46 + 9 = 55

c) 39 + 33 = 72

d) 100 − 24 = 76

Bài 4.

a) 6 giờ 15 phút

b) 2 giờ 30 phút (hay 2 giờ rưỡi)

Bài 5.

a) 20 + 24 + 30 + 16 = 90 (cm)

b) 90 cm = 9 dm

Bài 6.

Tất cả: 35 + 26 = 61 (bông)

Vy hái nhiều hơn: 35 − 26 = 9 (bông)